TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2021/QĐST- HNGĐ	*Tam Điệp, ngày 28 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: chị Lưu Thị Phương A, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: thôn 1, xã Đ, thành phố Tp, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 731, đường Đ, tổ 5, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai;

- Bị đơn: anh Trần Mạnh D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lưu Thị Phương A và anh Trần Mạnh D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về nuôi con chung, con riêng:

Sau khi ly hôn, chị Lưu Thị Phương A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Lưu Liên K, sinh ngày 31/3/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Mạnh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lưu Liên K với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp

dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Trần Lưu Liên K đủ 18 tuổi.

Về con riêng: chị Lưu Thị Phương A và anh Trần Mạnh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2.Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Lưu Thị Phương A và anh Trần Mạnh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lưu Thị Phương A phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2016/0001489 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Chị Lưu Thị Phương A đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. T;
-UBND xã Đ, thành phố T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú